

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Thực hiện Công văn số 4960/BXD-KHTC ngày 02/12/2021 của Bộ Xây dựng về việc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022, Sở Xây dựng Trà Vinh báo cáo theo tinh thần Công văn nêu trên cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao của ngành:

1. Công tác cải cách hành chính:

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, duy trì và phát huy hiệu quả, nâng cao năng lực quản lý của bộ máy tổ chức đáp ứng tốt cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ làm việc với Sở Xây dựng; báo cáo đề xuất liên quan đến Đề án phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng dẫn của UBND tỉnh; thực hiện mức độ 3,4 theo danh mục các thủ tục hành chính đã công bố (trong năm tiếp nhận và xử lý 490 hồ sơ), vận hành tốt ứng dụng phần mềm IOOffice,...

2. Lĩnh vực Quy hoạch Kiến trúc:

- Trình UBND tỉnh phê duyệt:

+ Quy hoạch xây dựng vùng huyện: Đến nay đã hoàn thành 04/07 đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện (trong đó năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt 01 đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành; đang phối hợp cùng địa phương hoàn thành đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải; quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú và quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Ngang).

+ Quy hoạch chung đô thị: Đến nay 12/12 đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã có quy hoạch chung đô thị được phê duyệt; Trong năm 2021 đã thực hiện điều chỉnh, lập mới 04 quy hoạch chung đô thị (gồm: điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Duyên Hải, quy hoạch chung đô thị Châu Thành; quy hoạch chung đô thị Càng Long; quy hoạch chung đô thị Tân An).

+ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Định An: được Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương điều chỉnh tổng thể tại Công văn số 1316/TTg-CN ngày 30/9/2019 và Công văn số 3851/UBND-CNXD ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh và Bộ Xây dựng đã có Công văn số 4543/BXD-QHKT ngày 03/11/2021 về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đối với nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Định An; Hiện nay, Ban Quản

lý khu kinh tế đang phối hợp cùng đơn vị tư vấn hoàn chỉnh nội dung để tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định.

+ Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh còn 13 quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện đang tổ chức lập quy hoạch theo quy định. Sở Xây dựng đang tiếp tục đôn đốc hướng dẫn UBND cấp huyện trong công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch trên địa bàn quản lý.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; phương án mở rộng thành phố Trà Vinh đạt tiêu chuẩn thành phố thuộc tỉnh và hiện nay đã được Tỉnh ủy thống nhất về phương án để thực hiện các trình tự tiếp theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo phát triển đô thị tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo; Ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 19/8/2021 thực hiện Quyết định 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030”.

- Tham mưu UBND tỉnh Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh; Kiện toàn Ban chỉ đạo cấp nước an toàn tỉnh Trà Vinh

- Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chương trình về phát triển kinh tế đô thị tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 tại số 22-CTr/TU ngày 11/11/201.

- Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 17/10/2020 Đại hội tỉnh Đảng bộ, trong đó tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 33%, Sở Xây dựng đã có Công văn số 57/SXD-QHKT&PTĐT ngày 15/01/2021 về việc đề nghị xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện để đạt mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 17/10/2020; và trên cơ sở Công văn số 494/UBND-THNV ngày 05/02/2021, Công văn số 591/UBND-THNV ngày 18/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh giao UBND các huyện, thị xã, thành phố dự thảo Chương trình, Nghị quyết của Tỉnh ủy, cụ thể như sau:

+ UBND thành phố Trà Vinh dự thảo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trở thành đô thị thông minh, chậm nhất ngày 01/4/2021 (Ngày 29/6/2021, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã trình Thường trực Tỉnh ủy).

+ UBND huyện Tiểu Cần dự thảo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng huyện Tiểu Cần trở thành thị xã thuộc tỉnh, chậm nhất ngày 01/4/2021 (Ngày 12/7/2021, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã trình Thường trực Tỉnh ủy).

+ UBND huyện Cầu Ngang dự thảo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng thị trấn Cầu Ngang mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV chậm nhất ngày 01/5/2021 (Ngày 23/7/2021, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã trình Thường trực Tỉnh ủy).

+ UBND huyện Càng Long dự thảo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng thị trấn Càng Long mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV chậm nhất ngày 01/5/2021 (Ngày 23/7/2021, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã trình Thường trực Tỉnh ủy).

- Đang phối kết hợp Sở Ban ngành và địa phương hoàn thành các cơ sở pháp lý để thực hiện cơ sở các bước để phục vụ nâng loại đô thị gồm: Phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư về nội dung Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tham mưu thực hiện UBND tỉnh chủ trương lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn năm 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 29,55%; Tỷ lệ hộ dân đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh ước đạt 99,1%.

3. Về Quản lý nhà và thị trường bất động sản:

- Về Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020 và định hướng đến 2030:

+ Sở Xây dựng đã trình và được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 nhằm cụ thể hóa thực hiện các mục tiêu phát triển nhà ở (nhà ở do dân tự xây, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở tái định cư) theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

+ Đang tổ chức xây dựng Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 3726/UBND-CNXD ngày 27/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh nhằm điều chỉnh, bổ sung những nội dung, chỉ tiêu và giải pháp cụ thể về phát triển nhà ở cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh phù hợp với những thay đổi về chính sách và điều kiện kinh tế - xã hội.

- Về phát triển nhà ở thương mại năm 2021:

+ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đặc biệt là thành phố Trà Vinh có nhiều nhà đầu tư quan tâm đến việc phát triển các dự án nhà ở thương mại, cụ thể như: Công ty TNR Holdings Việt Nam, Công ty TNHH Đông Dương, ... Sở Xây dựng đã và đang phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở đúng theo quy định.

+ Tổng số dự án nhà ở thương mại đang triển khai: 02 Dự án gồm Khu nhà ở thương mại và dịch vụ thương mại phường 1, thị xã Duyên Hải đã hoàn thành đưa vào sử dụng 53 căn, tương đương 14.210 m² sàn xây dựng và Khu nhà ở thương mại thuộc Trung tâm Chính trị - Hành chính tỉnh Trà Vinh (đang triển khai thi công 329 căn).

* Tổng số lượng căn nhà ở thương mại được chấp thuận đầu tư: 595 căn trong đó bao gồm 382 căn (thuộc 02 dự án nêu trên) + 167 căn (nhà ở thương

mại thuộc dự án NOXH phường 4) + 46 căn (nhà ở thương mại thuộc dự án NOXH Khu công nghiệp Long Đức).

- Về phát triển nhà ở xã hội: Sở Xây dựng đã phối hợp với các sở, ngành liên quan hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp phát triển nhà ở xã hội. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 03 Dự án phát triển nhà ở xã hội đã và đang triển khai thực hiện, cụ thể:

+ Dự án nhà ở xã hội tại Khu tái định cư, dân cư và dịch vụ thương mại phường 4, thành phố Trà Vinh: Quy mô sử dụng đất 17,69 ha. Số lượng căn nhà ở xã hội 1.084 căn (tương đương 78.919 m² sàn). Công ty cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ địa ốc Hoàng Quân đang triển khai thực hiện dự án (đã xây dựng hoàn thành 358 căn, hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1 và nhà điều hành).

+ Dự án nhà ở xã hội Khu công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh: Quy mô sử dụng đất 4,23 ha. Số lượng căn nhà ở xã hội 972 căn (tương đương 38.880 m² sàn). Công ty CP đầu tư phát triển XD-TM xuất nhập khẩu Minh Anh đang triển khai thực hiện dự án; đã xây dựng hoàn thiện 02 căn chung cư mẫu; Khôi nhà văn phòng: Đã xong bê tông cốt thép sàn tầng 2, tiếp tục gia công cốt thép sàn tầng 3; đang triển khai thi công 4 Block (1, 2, 3, 4).

+ Dự án xây dựng thiết chế của Công đoàn tại Khu Công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh: Quy mô sử dụng đất khoảng 2,0 ha. Số lượng căn nhà ở xã hội: 376 căn (tương đương 11.656 m² sàn). Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đang hoàn thành các thủ tục pháp lý trước khi khởi công xây dựng.

- Về thị trường bất động sản:

+ Đã công bố, công khai thông tin về chương trình phát triển nhà ở; các dự án bất động sản (BDS) đang kêu gọi đầu tư, các dự án đã được phê duyệt; các dự án đủ điều kiện huy động vốn; các dự án đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai; xem xét, cho ý kiến hồ sơ đăng ký mua, thuê nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án nhà ở xã hội theo quy định cho các cơ quan, tổ chức, người dân nắm rõ nhằm bảo đảm minh bạch thông tin thị trường BDS.

+ Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, rà soát các dự án kinh doanh BDS trên địa bàn tỉnh, để có biện pháp xử lý kịp thời đối với những dự án đưa thông tin sai sự thật hoặc bán nhà khi chưa đủ điều kiện pháp lý theo quy định, và đề nghị các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh và môi giới bất động sản.

+ Để bảo đảm minh bạch thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội của tỉnh Trà Vinh phát triển theo hướng bền vững, Sở Xây dựng đã tổ chức xây dựng hoàn thành hệ thống thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

+ Nhằm quy định khung giá bán, giá cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh bảo đảm thấp hơn giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở thương mại tương đương trên thị trường và góp phần thúc đẩy thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định và lành mạnh, Sở Xây dựng đã tham mưu Ban hành khung giá bán, giá

cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Công tác quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: Quản lý việc cho thuê nhà ở công vụ và nhà ở thuộc SHNN đúng quy định.

*** Về thực hiện Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh:**

Trong năm 2021 Sở Xây dựng (Thường trực BCD) đã phối hợp với Sở ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh từ nguồn ngân sách của địa phương và nguồn vốn huy động hợp pháp, cụ thể:

- Nội dung Đề án.

+ Tổng số hộ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở theo đề án được duyệt là: 1.943 căn (xây mới 843 căn; sửa chữa 1.100 căn).

+ Tổng kinh phí triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở là: 69,65 tỷ đồng (Sáu mươi chín tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng).

+ Thời gian thực hiện 2021-2022.

- Tiến độ thực hiện.

+ Tổng số căn đã triển khai xây dựng là 1.718/1.943 căn.

+ Tổng kinh phí đã phân bổ cho các địa phương là 69,65 tỷ đồng, đạt 100%.

Trong đó:

+ Số căn đã xây dựng hoàn thành là 338 căn (đạt 17,4%; xây mới 101 căn, sửa chữa 237 căn).

+ Số căn đang triển khai xây dựng là 1.380 căn (xây mới 614; sửa chữa 766).

+ Số căn chưa triển khai xây dựng là 225 căn (xây mới 128; sửa chữa 97).

+ Đã giải ngân kinh phí xây dựng là 9,950 tỷ đồng (đạt 14,29%).

4. Về Quản lý Xây dựng:

- Thực hiện tốt công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình theo quy định. Trong năm 2021, thực hiện thẩm định dự án đầu tư, thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công & dự toán theo quy định: 143 hồ sơ (trong đó : Dự án 40 hồ sơ; Báo cáo kinh tế kỹ thuật: 36 hồ sơ; thiết kế cơ sở 12 hồ sơ; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình 55 hồ sơ).

Tổng giá trị trình thẩm định: 4.589 tỷ 114 triệu đồng

Tổng giá trị sau thẩm định: 4.588 tỷ 984 triệu đồng

Giảm trên 129 triệu đồng (nguyên nhân giảm: Xác định giá trị của các khoản chi phí đúng theo quy định).

- Thực hiện cấp 35 giấy phép xây dựng công trình. Bên cạnh đó, cũng đã hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện cấp phép xây dựng theo thẩm quyền phân cấp quản lý nhà nước ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Cấp 01 giấy phép hoạt động cho Nhà thầu nước ngoài.

- Thông báo Công bố hợp quy sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng theo QCVN 16/2017/BXD và QCVN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng: 01 hồ sơ.

- Khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng và trang trí nội thất trên địa bàn tỉnh hàng tháng và công bố chỉ số giá xây dựng hàng quý.

- Kịp thời tham mưu thực hiện Nghị định số 09/2021 ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 09/3/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các Thông tư gồm: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

+ Về đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công: Đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công năm 2020 tại các Quyết định số 147/QĐ-SXD ngày 12/10/2021 và Quyết định số 148/QĐ-SXD ngày 12/10/2021 của Sở Xây dựng.

+ Thực hiện công bố Chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh theo ủy quyền của UBND tỉnh tại Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh, Trong năm 2021, Sở Xây dựng ban hành Quyết định số 128/QĐ-SXD ngày 22/9/2021; Quyết định số 129/QĐ-SXD ngày 22/9/2021; Quyết định số 149/QĐ-SXD ngày 12/10/2021 về việc công bố Chỉ số giá xây dựng Quý I/2021, Quý II năm 2021 và Quý III năm 2021.

+ Về định mức xây dựng đặc thù của địa phương: Sở Xây dựng Trà Vinh đang tổ chức lập dự toán chi phí lập đơn giá và định mức xây dựng đặc thù của địa phương theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 3200/UBND-CNXD ngày 05/8/2021, để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm cơ sở triển khai thực hiện bước tiếp theo theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh Trà Vinh ban hành các văn bản Quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động xây dựng gồm: Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 Ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ có thời hạn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 Ban hành Quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 Bảng giá

chuẩn nhà nhà, vật kiến trúc và công tác xây lắp, xây dựng mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Thực hiện hướng dẫn Quy trình và nội dung thực hiện thẩm định và phê duyệt Dự án, Báo cáo KTKT, Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

5. Công tác Thanh tra, kiểm tra:

- Kết hợp với Đội Kiểm tra trật tự đô thị thành phố, phòng Quản lý đô thị thị xã Duyên Hải và phòng Kinh tế - hạ tầng các huyện trực tiếp kiểm tra trật tự xây dựng đô thị và xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, nhằm hạn chế tình trạng xây dựng không phép, sai phép, sai quy hoạch được duyệt. Kết quả kiểm tra được 51 trường hợp (trong đó: có phép 49 trường hợp, không phép xây dựng 02 trường hợp).

- Quyết định thành lập 02 Đoàn kiểm tra chất lượng công trình (với 15 công trình); phối hợp địa phương giải quyết những đơn thư khiếu nại, tố cáo. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện, xử lý và hướng dẫn, khắc phục kịp thời đối với những trường hợp vi phạm đúng theo quy định của pháp luật trong hoạt động xây dựng; góp phần chấn chỉnh hoạt động của các nhà thầu, các đơn vị tư vấn; hạn chế được tình trạng xây dựng công trình kém chất lượng.

6. Hoạt động của Chi cục Giám định Xây dựng:

- Xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho các doanh nghiệp: 125 hồ sơ.

- Xét cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân hành nghề xây dựng: 201 hồ sơ

- Tổ chức sát hạch 205 hồ sơ cá nhân dự thi hành nghề xây dựng

- Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình, hạng mục công trình: 43 công trình

- Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu các hạng mục công trình: 35 công trình.

- Tham gia Đoàn khảo sát, đánh giá hiện trạng công trình theo yêu cầu của các Sở, Ban ngành: 15 công trình

- Tham gia thẩm định giá công trình theo thư mời của Tòa án tỉnh: 29 công trình.

- Tham gia các đoàn công tác của thanh tra tỉnh.

- Tham gia Đoàn kiểm tra hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án kênh 3 tháng 2.

*** Trung tâm Giám định Chất lượng Xây dựng:**

- Thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán: Đã và đang thực hiện 88 hồ sơ.

- Công tác tư vấn giám sát: Đã và đang thực 20 công trình.

- Công tác tư vấn quản lý dự án: Đã và đang thực hiện 16 công trình.

- Tổng doanh thu: 4,6 tỷ đồng.

7. Hoạt động của đơn vị trực thuộc Sở - Trung tâm Quy hoạch Xây dựng:

- Hoàn thành giám sát 06 hạng mục công trình, đang giám sát 01 hạng mục công trình; Tư vấn thiết kế 01 công trình; Quản lý dự án 01 công trình.

- Công tác quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước:

+ Nhà Công vụ: 66 căn (Đã ký hợp đồng 52 căn).

+ Nhà riêng lẻ: 39 căn (Đã ký hợp đồng 31 hợp đồng).

- Tổng doanh thu dịch vụ tư vấn: 801 triệu đồng.

8. Tình hình thực hiện các dự án được giao theo dõi:

- **Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Trà Vinh:** Đang thực hiện điều chỉnh thủ tục xây dựng.

- **Dự án Nhà máy nước Láng Thè:** Chủ đầu tư đang lập hồ sơ thủ tục hoàn thành công trình, thủ tục kiểm toán quyết toán hoàn thành dự án theo quy định.

- Dự án Nhà máy nước Nguyệt Hóa:

+ Chủ đầu tư cơ bản đã hoàn thành các hạng mục trong dây chuyền cấp nước của dự án như: Trạm bơm cấp I → tuyến ống chuyển tải nước thô → cụm bể xử lý → bể chứa nước sạch → trạm bơm cấp II → tuyến ống chuyển tải nước sạch (đã đấu nối với tuyến ống cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh) và ngày 30/11/2021, Chủ đầu tư đã phối hợp với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh lấy mẫu nước thành phẩm (lần 2) gửi Trung tâm đo lường chất lượng 3 thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng nước thành phẩm theo QCVN 01:-1/2018/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt” để vận hành phát nước theo quy định.

+ Hạng mục Khôi nhà văn phòng, nhà hoá chất, nhà đặt máy phát điện, nhà kho, nhà bảo vệ: Chủ đầu tư đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; riêng các hạng mục xây dựng khác như: hàng rào; cống thu gom nước mưa, nước rửa lọc; sân đường nội bộ; đường vào nhà máy,... và cảnh quan Chủ đầu tư đang tiếp tục thi công và thực hiện các thủ tục hoàn thành dự án.

- Dự án công trình chứa bùn thải nạo vét từ công trình vệ sinh trên địa bàn thành phố Trà Vinh, giai đoạn 2: Đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng công trình theo tiến độ trong Hợp đồng đã ký (khối lượng thực hiện ước đạt 80%, tiến độ giải ngân đạt 82,67%).

- Dự án Cải tạo, sửa chữa Khu A thuộc Nhà ở công vụ phường 5, thành phố Trà Vinh: Triển khai thi công (05 căn trổng 107, 111, 113, 115, 117), tháo dỡ nền gạch tầng trệt, lầu, nhà vệ sinh; tháo dỡ gạch ốp tường; cạo lớp sơn tường và vệ sinh tường, đang bả matic tường trong và ngoài tầng trệt và lầu,....

9. Tiến độ thực hiện chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021:

STT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến thời gian trình	Hình thức văn bản
1	Quyết định ban hành khung giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Hoàn thành	Số 13/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
2	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về Bảng giá chuẩn nhà nhà, vật kiến trúc và công tác xây lắp, xây dựng mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Hoàn thành	Số 20/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021
3	Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Hoàn thành	Số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021
4	Quyết định điều chỉnh Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Hoàn thành	Số 13/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
5	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Hoàn thành	Số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021
6	Quyết định điều chỉnh Giá dịch vụ thoát nước thải trong đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Quý IV/2021 (Đang thực hiện và xin chuyển sang quý II/2022. Lý do: Phụ thuộc vào Quyết định ban hành đơn giá, định mức)	VB QPPL
7	Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Quý IV/2021 (Xin kéo sang quý IV/2022. Lý do: Phụ thuộc vào Quy hoạch tỉnh)	VB Cá biệt
8	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Hoàn thành	17/2021/QĐ-UBND ngày 07/9/2021
9	Quyết định thay thế Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh, về việc Ban hành quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong cấp giấy	Sở Xây dựng	Quý IV/2021	Đã gửi Sở Tư pháp thẩm định	Đang thực hiện, dự kiến hoàn thành trong cuối quý IV năm 2021

STT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến thời gian trình	Hình thức văn bản
	phép xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo công trình tôn giáo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh				

10. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những mặt đạt được, còn mặt một số hạn chế như:

- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2021 là 29,55% chưa đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết 30,22%; lý do chưa thực hiện nâng một trong 02 xã Dân Thành hoặc Trường Long Hòa thuộc thị xã Duyên Hải lên phường để tăng thêm số dân đô thị (Nghị quyết 16-NQ/TXU ngày 14/6/2019 của Thị ủy Duyên Hải), trong khuyết điểm này Sở Xây dựng chưa tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cụ thể để thực hiện trong việc giao nhiệm vụ cụ thể theo chức nhiệm vụ của từng Sở ban ngành và địa phương (tỷ lệ đô thị hóa phụ thuộc vào dân số đô thị gồm: dân số trong các đô thị hiện hữu, đô thị mới được công nhận, dân số trong đơn vị hành chính đô thị hiện hữu và dân số trong đơn vị hành chính đô thị mới thành lập).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa phối hợp với đơn vị cấp nước lập, ký kết và thực hiện thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước của từng địa phương, quan tâm đầu tư phát triển hệ thống tuyến ống cấp nước, đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước, cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng nước sạch đạt QCVN 01-1:2008/BYT hoặc Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (hiện nay địa phương đang xây dựng).

- Công tác tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng huyện chưa hoàn thành 100% trong năm 2021 (còn 03/7 đề án đang lập và hoàn chỉnh) mặc dù Sở Xây dựng đã có văn bản hướng dẫn đôn đốc nhắc nhở, lý do từng lúc sự quan tâm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch là UBND các huyện chưa sâu sát, chưa quan tâm tiến độ, chất lượng của quy hoạch xây dựng trên địa bàn quản lý.

- Tiến độ triển khai các dự án nhà ở còn chậm so với quyết định chủ trương đầu tư. Các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh còn ít, chậm so với tốc độ phát triển đô thị của tỉnh; nhất là dự án nhà ở xã hội. Công tác thu nhập dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản còn hạn chế.

- Chưa kịp thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý dự án đầu tư.

- Chất lượng thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình chưa cao và cấp giấy phép xây dựng cũng còn sai sót.

- Do ảnh hưởng của đại dịch covid-19 trong thời gian vừa qua, làm công tác triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh còn chậm so với tiến độ được phê duyệt và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Sự phối, kết hợp của các Sở, ban ngành, địa phương có lúc cũng chưa đồng bộ, còn đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau, chưa có sự thống nhất, chưa chỉ đạo xây dựng được quy chế phối hợp nhịp nhàng, trách nhiệm của các Sở, ban ngành, cụ thể: Trong quá trình triển khai kiểm tra quản lý xây dựng vẫn còn một số địa phương chưa chú trọng công tác quản lý trách nhiệm địa phương theo địa bàn.

11. Kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh:

- Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin về chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hoá; chỉ tiêu hộ dân đô thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh; các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị như cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, giao thông, cây xanh, đôn đốc các đơn vị cấp nước lập, ký kết và thực hiện thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước của từng địa phương,... và tham gia phối hợp đóng góp ý kiến các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành kịp thời theo mốc thời gian yêu cầu gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, kịp thời báo cáo số liệu về các Bộ, ngành trung ương, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh.

- Hiện nay do các chính sách hỗ trợ về nhà ở đã kết thúc theo quy định, để đạt và nâng chất tiêu chí số 9 Nhà ở dân cư trong xây dựng nông thôn mới (NTM), kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện nội dung sau: Tiếp tục tuyên truyền các tiêu chuẩn nhà ở theo chuẩn của Bộ Xây dựng, để trong quá trình sửa chữa hay xây dựng mới nhà ở, người dân có những điều chỉnh hợp lý, không phát sinh nhà tạm, dột nát nhằm đáp ứng tiêu chí số 9 Nhà ở dân cư trong xây dựng NTM, tranh thủ các nguồn vốn từ nguồn vận động xã hội hóa như quỹ an sinh xã hội, mạnh thường quân, nhà hảo tâm,... để hỗ trợ cho các đối tượng khó khăn về nhà ở trên địa bàn, nâng chất tiêu chí số 9 Nhà ở dân cư trong xây dựng NTM.

- Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh tiến độ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc tham mưu UBND tỉnh trong ban hành Quyết định giao đất hoặc cho thuê đất, để Sở Xây dựng làm cơ sở xem xét cấp giấy phép xây dựng hoặc kiểm tra đủ điều kiện được miễn cấp phép xây dựng trong thời gian tới, nhằm tạo điều kiện cho nhà đầu tư sớm triển khai thực hiện các dự án.

II. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2022:

1. Công tác chuyên môn:

- Phối hợp, hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) quan tâm đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trên địa bàn đảm bảo thời gian theo chủ trương UBND tỉnh và quy định (hạn chế điều chỉnh thời gian do yếu tố chủ quan), trong đó trọng tâm là hoàn thành các đồ án: quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Ngang, quy hoạch xây dựng vùng huyện

Trà Cú, quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, quy hoạch chung đô thị Châu Thành, quy hoạch chung đô thị Càng Long, huyện Càng Long, quy hoạch chung đô thị Tân An, huyện Càng Long, quy hoạch phân khu Khu đô thị dịch vụ công cộng thuộc khu kinh tế Định An.

- Phối hợp, hỗ trợ UBND thành phố Trà Vinh đẩy nhanh tiến độ lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thành phố Trà Vinh đạt chuẩn thành phố thuộc tỉnh; Tham mưu nội dung liên quan về phân loại đô thị phục vụ mở rộng đơn vị hành chính thành phố Trà Vinh theo đề án của Sở Nội vụ được giao làm chủ đầu tư.

- Phối hợp, hỗ trợ UBND cấp huyện tăng cường công tác quản lý, đầu tư, chăm sóc, chặt hạ về cây xanh đô thị, rà soát thống kê các số liệu về chỉ tiêu về đô thị, quan tâm chỉ đạo rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn quản lý theo đúng thẩm quyền và quy định pháp luật đảm bảo nhu cầu định hướng phát triển, đầu tư cho địa phương.

- Phối hợp, hỗ trợ UBND cấp huyện đơn đốc các đơn vị cấp nước lập, ký kết và thực hiện thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước của từng địa phương, quan tâm đầu tư phát triển hệ thống tuyến ống cấp nước, đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước, cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng nước sạch đạt QCVN 01-1:2008/BYT hoặc Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Phối hợp, hỗ trợ UBND cấp huyện: Phấn đấu xây dựng phương án điều chỉnh Giá dịch vụ thoát nước thải trong đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh và lộ trình tăng giá theo Thông tư số 13/2018/TT-BXD sau khi tổng hợp được số liệu tổng lượng nước thải thu gom về nhà máy và định mức, đơn giá xử lý nước thải theo công nghệ cơ học nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, công suất thiết kế 18.000 m³/ngày đêm.

- Phấn đấu đến cuối năm 2022: Tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 30,92% (trên cơ sở UBND thị xã Duyên Hải và Sở Nội vụ hoàn thành việc nâng 02 xã Dân Thành, Trường Long Hoà lên thành phường thuộc thị xã Duyên Hải); tỷ lệ hộ dân đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99,2%.

- Hoàn thành lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn năm 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thực hiện tốt công tác thẩm định dự án, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán và cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp.

- Thực hiện tốt Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; đồng thời, hướng dẫn các nhà đầu tư quan tâm phát triển nhà ở xã hội nhằm hoàn thành cơ bản các mục tiêu về phát triển nhà ở đã được đề ra tại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thực hiện Đề án hỗ trợ hộ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng tốt cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ làm việc với Sở Xây dựng.

- Tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

2. Các nhiệm vụ của ngành Xây dựng năm 2022:

STT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
1	Rà soát công bố Đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2022	UBND tỉnh	Văn bản cá biệt
2	Quyết định điều chỉnh Giá dịch vụ thoát nước thải trong đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2022	UBND tỉnh	Văn bản QPPL
3	Quyết định ban hành quy định việc chuyên giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2022	UBND tỉnh	Văn bản QPPL
4	Quyết định ban hành Đơn giá và định mức xây dựng đặc thù của địa phương	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2022	UBND tỉnh	Văn bản QPPL
5	Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Văn bản QPPL
6	Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Quý IV/2022	UBND tỉnh	Văn bản cá biệt
7	Các Chương trình, dự án được Bộ Xây dựng, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao đột xuất cho Sở Xây dựng.	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Nếu có		

III. Số liệu thống kê tổng hợp ngành Xây dựng năm 2021: Đính kèm các Biểu mẫu.

Qua trên là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của Sở Xây dựng Trà Vinh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh;
- BGD Sở XD;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, Châu.



Lê Minh Tân

Biểu số: 01/BCĐP

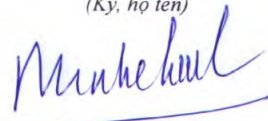
Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD
ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**TỔNG SỐ CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN
(Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:
Sở Xây dựng Trà Vinh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Xây dựng

	Mã số	Tổng mức đầu tư hoặc dự toán (ĐVT: Triệu đồng)		Tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn (ĐVT: Công trình)	
		Số liệu cùng kỳ năm trước	Số liệu trong kỳ báo cáo	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	1	2	3	4
Tổng số	01				
I. Phân theo quy mô dự án					
- Công trình thuộc dự án quan trọng quốc gia	02				
- Công trình thuộc dự án nhóm A	03				
- Công trình thuộc dự án nhóm B	04	107000		2	
- Công trình thuộc dự án nhóm C	05	352.187		264	169
II. Phân loại công trình theo công năng					
- Công trình dân dụng	06	124.519		69	37
- Công trình công nghiệp	07			2	1
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	08	66.808		33	25
- Công trình giao thông	09	240.151		131	87
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	10	23.466		29	19

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Lê Minh Tân

Biểu số: 02/BCĐP


Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
 Ngày nhận báo cáo:
 Báo cáo 6 tháng: Ngày 15/6 năm báo cáo;
 Báo cáo năm ước tính: Ngày 15/12 năm báo cáo;
 Báo cáo năm chính thức: Ngày 15/2 năm sau.

**TỔNG SỐ GIẤY PHÉP XÂY
 DỰNG ĐƯỢC CẤP VÀ SỐ
 CÔNG TRÌNH VI PHẠM QUY
 ĐỊNH TRẬT TỰ XÂY DỰNG
 TRÊN ĐỊA BÀN
 (Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:
 Sở Xây dựng TV
 Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Xây dựng

	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
I. Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	GPXD	01	416	306
Chia ra:				
1. Cấp cho nhà ở riêng lẻ	GPXD	02	360	306
2. Cấp cho các công trình/dự án	GPXD	03	56	
II. Tổng số các công trình được kiểm tra, thanh tra về trật tự xây dựng		04	77	24
Trong đó:				
1. Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng	Công trình	05	77	24
1.1. Không phép	Công trình	06	16	16
1.2. Sai phép	Công trình	07	14	6
1.3. Vi phạm khác	Công trình	08	0	2
2. Kết quả xử phạt				4
2.1. Số lượng quyết định xử phạt	Quyết định	09	0	2
2.2. Số lượng quyết định xử phạt đã được chấp hành	Quyết định	10	0	2
2.3. Số lượng QĐ xử phạt bị cưỡng chế thi hành	Quyết định	11	0	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Lê Minh Tân

Biểu số: 03/BCĐP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD
ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm ước tính: Ngày 15/12 năm b/c;

Báo cáo năm chính thức: Ngày 15/2 năm sau.

**TỔNG SỐ SỰ CỐ VỀ
CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG
(Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng TP

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng

Đơn vị tính: Sự cố

A	Mã số	Số lượng cùng kỳ năm trước	Số lượng trong kỳ báo cáo
Tổng số sự cố về công trình xây dựng	01	0	0
1. Sự cố cấp I	02	0	0
Chia theo loại công trình			
- Công trình dân dụng	03		
- Công trình công nghiệp	04		
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	05		
- Công trình giao thông	06		
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	07		
2. Sự cố cấp II	08	0	0
Chia theo loại công trình			
- Công trình dân dụng	09		
- Công trình công nghiệp	10		
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	11		
- Công trình giao thông	12		
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	13		
3. Sự cố cấp III	14	0	0
Chia theo loại công trình			
- Công trình dân dụng	15		
- Công trình công nghiệp	16		
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	17		
- Công trình giao thông	18		
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	19		

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)



Lê Minh Loan

Biểu số: 04/BCĐP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm ước tính: Ngày 15/12 năm báo cáo;

Báo cáo năm chính thức: Ngày 15/2 năm sau.

**TỔNG SỐ CÔNG TRÌNH
ĐƯỢC CHẤP THUẬN
NGHIỆM THU ĐƯA VÀO
SỬ DỤNG
(Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng TV

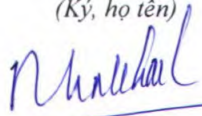
Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng

	Mã số	Số lượng cùng kỳ năm trước	Số lượng trong kỳ báo cáo
A	C	1	2
Tổng số công trình được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng	01	245	192
1. Công trình cấp I	02		
Chia theo loại công trình			
- Công trình dân dụng	03		
- Công trình công nghiệp	04		
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	05		
- Công trình giao thông	06		
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	07		
2. Công trình cấp II	08		2
Chia theo loại công trình			
- Công trình dân dụng	09	1	
- Công trình công nghiệp	10		
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	11		
- Công trình giao thông	12		
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	13		
3. Công trình cấp III	14		55
Chia theo loại công trình			
- Công trình dân dụng	15	40	
- Công trình công nghiệp	16	4	
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	17		
- Công trình giao thông	18		
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	19		
4. Công trình cấp IV	20	200	135
Chia theo loại công trình			
- Công trình dân dụng	21	107	
- Công trình công nghiệp	22		
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	23	15	
- Công trình giao thông	24	53	
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	25	25	

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)




Biểu số: 05/BCĐP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-
BXD ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng

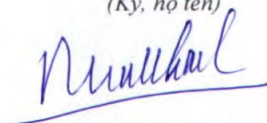
**TAI NẠN LAO ĐỘNG, SỰ CỐ KỸ
THUẬT GÂY MẤT AN TOÀN LAO
ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH
(Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:
Sở Xây dựng HG
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Xây dựng

	Đơn vị tính	Mã số	Số lượng cùng kỳ năm trước	Số lượng trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
I. Tổng số sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình	Vụ	01	0	0
II. Tổng số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình	Vụ	02	0	1
Chia ra:				
1. Do sự cố công trình	Vụ	03		1
2. Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động	Vụ	04		
3. Do người lao động	Vụ	05		
4. Do yếu tố khác	Vụ	06		
III. Tổng số người chết do tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình	Người	07	0	
Chia ra:				
1. Do sự cố công trình	Người	08		
2. Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động	Người	09		
3. Do người lao động	Người	10		
4. Do yếu tố khác	Người	11		
IV. Tổng số người bị thương do tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình		12	0	5
Chia ra:				
1. Do sự cố công trình	Người	13		5
2. Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động	Người	14		
3. Do người lao động	Người	15		
4. Do yếu tố khác	Người	16		

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)





Biểu số: 06/BCĐP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-
BXD ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm ước tính: Ngày 15/12 năm báo
cáo;

Báo cáo năm chính thức: Ngày 15/2 năm sau.

SỐ LƯỢNG VÀ DÂN SỐ

ĐÔ THỊ

(Năm 2019)

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng TV

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng

	Mã số	Số lượng đô thị	Dân số đô thị (người)	
			Tổng số	Trong đó:
				Dân số khu vực nội thị
A	B	1	2	3
1. Thành phố trực thuộc trung ương (đặc biệt và loại I)	01			
- Các quận nội thành	02			
- Đô thị trực thuộc:	03			
Đô thị loại III	04			
Đô thị loại IV	05			
Đô thị loại V	06			
2. Tỉnh Trà Vinh	...			
Đô thị loại I		0		
Đô thị loại II		1	145.172	124.118
Dân số thường trú			102.022	83.659
Dân số quy đổi			43.150	40.459
Đô thị loại III		0		
Đô thị loại IV		1	98.260	67.765
Dân số thường trú			80.994	50.499
Dân số quy đổi			17.266	17.266
Đô thị loại V		10	106.323	106.323
Dân số thường trú			66.846	66.846
Dân số quy đổi			39.477	39.477

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Minh Châu

Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)



Lê Minh Loan

Biểu số: 07/BCDP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD
ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm ước tính: Ngày 15/12 năm báo cáo;

Báo cáo năm chính thức: Ngày 15/2 năm sau.

**QUY HOẠCH XÂY DỰNG,
QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, QUY
CHẾ QUẢN LÝ QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ, THIẾT
KẾ ĐÔ THỊ RIÊNG
(Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng Trà Vinh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng

A. Báo cáo về quy hoạch xây dựng vùng tỉnh

	Mã số	Năm phê duyệt	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch (ha)	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị tại kỳ báo cáo (ha)	Ghi chú
			1	2	
A	B	C	1	2	3
1. Quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh		15/9/2014			
2. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030		16/10/2018			
3. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040		26/11/2019			
4. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040		Đang thực hiện			
5. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040		Đang thực hiện			
6. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040		30/10/2020			
7. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040		Đang thực hiện			
8. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040		13/10/2021			
	Mã số	Quy hoạch chung xây dựng		Quy hoạch chi tiết xây dựng	
		Năm phê duyệt	Diện tích quy hoạch (ha)	Số lượng đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)
A	B	C	1	2	3
I. Khu kinh tế					
1. Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An		5/09/2011	39,020		
2. Khu ...					
.....					
II. Khu công nghiệp tập trung				3	
1. QH chi tiết KCN Long đức TP. Trà Vinh		7/5/2001			120,6
2. Quy hoạch chi tiết khu CN Cổ Chiên, xã Đại Phước huyện Càng Long		31/12/2013			199,98
3. Quy hoạch chi tiết KCN Cầu Quan,		29/9/2009			250

III. Khu văn hóa, thể thao, du lịch cấp quốc gia					
1. Khu ...					
2. Khu ...					
.....					
IV. Khu bảo tồn di sản cấp quốc gia					
1. Khu ...					
2. Khu ...					
.....					
V. Khu chức năng cấp quốc gia khác					
1. Khu ...					
2. Khu ...					

C. Báo cáo về quy hoạch phân khu (quy hoạch chi tiết 1/2000), quy hoạch chi tiết 1/500 trong đô thị

	Mã số	Số lượng đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)	Tỷ lệ phủ kín QHPK đô thị	Tỷ lệ phủ kín QHCT đô thị
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I. Thành phố Trà Vinh	1				
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		2	481,6		
2. QH chi tiết 1/500		2	64,17	 	
II. thị xã Duyên Hải					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		0			
2. QH chi tiết 1/500		2	32,91	 	
III. Huyện Cầu Kè					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		0	0		
2. QH chi tiết 1/500		0	0		
IV. Huyện Cầu Ngang					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		0	0		
2. QH chi tiết 1/500		0	0		
V. Huyện Châu Thành					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		0	0		
2. QH chi tiết 1/500		0	0		
VI. Huyện Duyên Hải					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		1	114,5		
2. QH chi tiết 1/500		0	0		
VII. Huyện Tiểu Cần					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		0	0		

Quy chế ...					
Quy chế ...					
....					
F. Báo cáo về Thiết kế đô thị riêng					
	Mã số	Thời gian phê duyệt	Thời gian tổ chức lập	Ghi chú	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	
I. Tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng được duyệt		11		Ghi tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng được duyệt vào dòng *	
Đồ án ...					
Đồ án ...					
...					
II. Tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng theo danh mục		**		Ghi tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng theo danh mục vào dòng **	
Đồ án ...					
Đồ án ...					
...					
...					
II. Tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng theo danh mục		**		Ghi tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng theo danh mục vào dòng **	
Đồ án ...					
Đồ án ...					
...					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Như hân

Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Lê Minh Loan

2. QH chi tiết 1/500		1	9,77		
VIII. Huyện Trà Cú					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		0	0		
2. QH chi tiết 1/500		0	0		
IX. Huyện Càng Long					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		0	0		
2. QH chi tiết 1/500		1	16,27		
Tổng số					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)		3	596,1		
2. QH chi tiết 1/500		5	123,12		

D. Báo cáo về quy hoạch xây dựng nông thôn

	Mã số	Số xã của tỉnh/thành phố	Số xã có quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt	Tỷ lệ xã có quy hoạch xây dựng nông thôn	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1$	<i>4</i>
Tổng số		85	85	85	

E. Báo cáo về Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị

	Mã số	Thời gian phê duyệt	Thời gian tổ chức lập	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
I. Tổng số Quy chế quản lý kiến trúc đô thị được duyệt		<i>11-Jan</i>		<i>Ghi tổng số Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị được duyệt vào dòng *</i>
Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (12 đô thị)		Đang thực hiện lập mới theo Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14		
II. Tổng số Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị theo danh mục		**		<i>Ghi tổng số Quy chế quản lý quy hoạch KT theo danh mục vào dòng **</i>

Biểu số: 08/BCDP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÔ THỊ
(Năm 2021)

Đơn vị báo cáo:
Sở Xây dựng Trà Vinh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Xây dựng

Đơn vị tính: ha

	Mã số	Năm phê duyệt QHC	Diện tích đất toàn đô thị	Diện tích nội thành/nội thị	Diện tích đất xây dựng đô thị theo QHC được duyệt	Diện tích đất xây dựng đô thị tại kỳ báo cáo			
						Tổng số	Trong đó:		
							Đất cây xanh	Đất giao thông	
			Tổng số	Đất bến bãi đỗ xe					
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1. Thành phố trực thuộc trung ương	01								
- Các quận nội thành	02								
- Đô thị trực thuộc:									
Đô thị loại III	03								
Đô thị loại IV	04								
Đô thị loại V	05								
2. Tỉnh	06								
Đô thị loại I	07								
Đô thị loại II	08		6.792,48	2,91	1.508,05	1.508,05	193,66	821,50	7,04
Đô thị loại III	09								
Đô thị loại IV	10		17.709,60	2.503,90	613,90	613,90	98,30	525,53	13,80
Đô thị loại V	11		4.846,00	2.594,54	1.599,31	1.599,31	330,70	467,63	5,12
			29.348,08	5.101,35	3.721,26	3.721,26	622,66	1.814,66	25,96

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Võ Minh Châu

Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)



Lê Minh Loan

Biểu số: 09/BCDP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD
ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Năm 2021)

Đơn vị báo cáo:
Sở Xây dựng Trà
Vinh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Xây dựng

A	Mã số	Loại đô thị	Tổng số dự án	Quy mô Dự án được duyệt		Lũy kế hiện trạng thực hiện trong kỳ báo cáo		Ghi chú
				Tổng diện tích (ha)	Tổng dân số dự kiến (1.000 người)	Diện tích (ha)	Ước dân số phục vụ (1.000 người)	
	B	C	1	2	3	4	5	6
1. Dự án đầu tư phát triển đô thị đang thực hiện trên địa bàn		Đặc biệt						
		Loại I						
		Loại II	5	70		70	11.000	
		Loại III						
		Loại IV	1	3,5		-	1.500	
2. Dự án đầu tư phát triển đô thị đăng ký mới trong kỳ báo cáo		Loại V	1			-		
		Đặc biệt						
		Loại I						
		Loại II	4	150				
		Loại III						
	Loại IV							
	Loại V							

Ghi chú: Chỉ tính các dự án Khu đô thị mới, dự án Chính trang đô thị

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Lê Minh Tân

Biểu số: 10/BCĐP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày

08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm ước tính: Ngày 15/12 năm báo cáo;

Báo cáo năm chính thức: Ngày 15/2 năm sau.

HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ**(Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng Trà Vinh

Đơn vị nhận báo cáo:

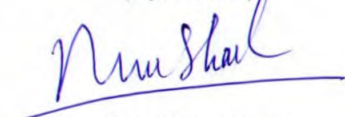
Bộ Xây dựng

	Đơn vị	Mã số	Tổng số	Chia theo loại đô thị:					
				Loại Đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
				2	3	4	5	6	7
A	B	C	I						
1. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	01	95,92			98,15		89,75	95,29
1.1. Tổng dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	người	02	46.402			23.545		6.239	16.618
2. Tổng công suất cấp nước									
2.1. Tổng công suất thiết kế của nhà máy nước	m ³ /ngày	03	51.280			25.500		9.600	16.180
2.2. Tổng công suất khai thác của nhà máy nước	m ³ /ngày	04	41.850			29.500		1.280	11.070
3. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch	%	05	13,41			11,42		20,61	18,02
3.1. Tổng lượng nước thực tế cấp cho địa bàn đo qua đồng hồ tổng bình quân m ³ /ngày	m ³ /ngày	06	39.603			28.179		1.347	10.077
3.2. Tổng lượng nước đã thu được tiền từ người sử dụng bình quân m ³ /ngày	m ³ /ngày	07	34.292			24.961		1.069	8.261
4. Tổng công suất xử lý nước thải đô thị			-						
4.1. Tổng công suất thiết kế xử lý nước thải đô thị	m ³ /ngày	08	18.000			18.000		0	0
4.2. Tổng công suất khai thác xử lý nước thải đô thị	m ³ /ngày	09	-						
5. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định	%	10	-						
6. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	11	98,05						
6.1. Tổng dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	Người	12	189.054						

	Đơn vị	Mã số	Tổng số	Chia theo loại đô thị:					
				Loại Đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
7. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định	%	13							
7.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	Tấn/năm	14	131.831						
7.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định	Tấn/năm	15							
8. Khối lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom, tái chế tái hoặc tái sử dụng	Tấn	16	-						
8.1. Khối lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom	Tấn	17	-						
8.2. Khối lượng chất thải rắn xây dựng được tái chế hoặc tái sử dụng	Tấn	18	-						
9. Tổng chiều dài đường đô thị (tính từ đường khu vực trở lên)	km	19	-						
9.1. Tổng chiều dài đường đô thị được ngầm hóa (tính từ đường khu vực trở lên)	km	20	276,7						
9.2. Tổng chiều dài đường đô thị được chiếu sáng (tính từ đường khu vực trở lên)	Km	21	276,7						

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)





Lê Minh Tâm

Biểu số: 11/BCĐP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/ TT-BXD
ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**SỐ LƯỢNG NHÀ Ở, DIỆN TÍCH NHÀ Ở CÔNG VỤ
HIỆN CÓ VÀ SỬ DỤNG
(Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:
Sở Xây dựng Trà Vinh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Xây dựng


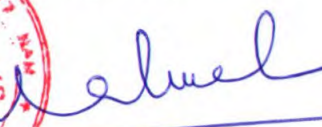
	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia theo loại nhà		
				Căn hộ	Nhà liền kề	Biệt thự
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	$1=2+3+4$	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1. Số nhà lượng nhà ở công vụ hiện có và sử dụng. Chia ra:	căn hộ/nhà ở	01	66	0	12	0
- Khu vực thành thị	-	02		0		0
- Khu vực nông thôn	-	03		0		0
2. Diện tích nhà ở công vụ hiện có và sử dụng. Chia ra:	m ²	04	5,136,6			
- Khu vực thành thị	-	05		0	5,136,6	0
- Khu vực nông thôn		06		0		0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)



Lê Minh Tân

Biểu số: 12/BCĐP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD

ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm ước tính: Ngày 15/12 năm báo cáo;

Báo cáo năm chính thức: Ngày 15/2 năm sau.

CÔNG SỞ CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC*(Năm 2021)*

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng Trà Vinh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
A	B	C	1=2+3+4	2	3	4
1. Tổng số trụ sở cơ quan hành chính nhà nước có đến 31/12	Trụ sở	01		101	283	500
2. Tổng diện tích sàn xây dựng có đến 31/12	m2 sàn	02		39.449,50	79.979,56	100.945,50
3. Số lượng trụ sở xây dựng mới, sửa chữa cải tạo trong kỳ báo cáo	Trụ sở	03				
Diện tích đầu tư xây dựng mới	m2 sàn	04				
Diện tích sửa chữa, cải tạo	m2 sàn	05				
Vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa cải tạo	Triệu đồng	06				

Người lập biểu*(Ký, họ tên)*

Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Lê Minh Tâm

Biểu số: 13/BCĐP

Ban hành theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD

ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm ước tính: Ngày 15/12 năm báo cáo;

Báo cáo năm chính thức: Ngày 15/2 năm sau.

**MỘT SỐ SẢN PHẨM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG CHỦ YẾU
(Năm 2021)**

Đơn vị báo cáo:

Sở Xây dựng TV

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Xây dựng

	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Tỷ lệ % kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	$3=2/1*100$
1. Xi măng					
1.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	01			
1.2. Công suất thiết kế	1000 tấn	02			
1.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 tấn	03			
- Tiêu thụ	1000 tấn	04			
2. Gạch ốp lát					
2.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	05			
2.2. Công suất thiết kế	1000 m ²	06			
2.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 m ²	07			
- Tiêu thụ	1000 m ²	08			
3. Sứ vệ sinh					
3.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	09			
3.2. Công suất thiết kế	1000 sp	10			
3.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 sp	11			
- Tiêu thụ	1000 sp	12			
4. Kính xây dựng					
4.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	13			
4.2. Công suất thiết kế	1000 m ²	14			
4.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 m ²	15			
- Tiêu thụ	1000 m ²	16			
5. Gạch xây các loại					
5.1. Gạch xây nung					
5.1.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	17	27	27	100
5.1.2. Công suất thiết kế	1000 viên	18	400	400	100
5.1.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 viên	19	43200	43200	100

	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Tỷ lệ % kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3=2/1*100
- Tiêu thụ	1000 viên	20	40000	40000	100
5.2. Gạch xây không nung					
5.2.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	21	6	5	
5.2.2. Công suất thiết kế	1000 viên	22	124600	36653,466	29,4169069
5.2.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 viên	23	115.200	36653,466	29,4169069
- Tiêu thụ	1000 viên	24	109.440	35750	
6. Tấm lợp					
6.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	25			
6.2. Công suất thiết kế	1000 m ²	26			
6.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 m ²	27			
- Tiêu thụ	1000 m ²	28			
7. Đá ốp lát					
7.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	29			
7.2. Công suất thiết kế	1000 m ²	30			
7.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 m ²	31			
- Tiêu thụ	1000 m ²	32			
8. Vôi công nghiệp					
8.1. Số lượng doanh nghiệp, cơ sở	DN, cơ sở	33			
8.2. Công suất thiết kế	1000 tấn	34			
8.3. Sản lượng					
- Sản xuất	1000 tấn	35			
- Tiêu thụ	1000 tấn	36			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Wmichau

Võ Minh Châu

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021



Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Lê Minh Loan

Lê Minh Loan